

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19/01/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Hùng;

2. Ông Lã Văn Minh;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 386/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 25/02/2006; CCCD số 008305005021; Địa chỉ: Thôn P, xã S, tỉnh Bắc Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 28/08/2002; CCCD số 024202012956; Địa chỉ: Thôn P, xã S, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Huỳnh Đ vào tháng 4 năm 2024, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang vào ngày 08/04/2024 (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn xong thì chị về nhà anh Đ ở và làm dâu từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Đến đầu năm 2024 thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên nội, ngoại

hòa giải nhưng không thành. Chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Tuyên Quang sinh sống, hiện nay chị đang đi làm Công ty tại tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình). Chị và anh Đ đã ly thân nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2024. Hiện cháu A đang sống cùng anh Đ. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Việt A cho chị nuôi dưỡng, chị làm công nhân có mức thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng, chị đảm bảo việc nuôi con khi được giao. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

[2] Tại các biên bản ghi lời khai anh Lê Huỳnh Đ trình bày:

Anh với Hoàng Thị H tự nguyện kết hôn vào tháng 4 năm 2024, hai bên tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang vào ngày ngày 08/04/2024 (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị H về chung sống cùng gia đình anh, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc.

Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh và chị H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra do hai vợ chồng bắt đầu quan điểm sống. Sau khi mâu thuẫn thì chị H về nhà ngoại tại tỉnh Tuyên Quang sinh sống, hai vợ chồng bắt đầu ly thân nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung, anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2024. Hiện cháu Việt A đang sống cùng anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Việt A cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Kể từ khi ly thân, khi cháu Việt A mới chỉ được 3 tháng tuổi cho đến nay chị H vẫn chưa trở về thăm con, chị H chỉ còn lại một mình mẹ và bà đã có tuổi, chị H lại đi làm ăn xa do đó chị H đề nghị được nuôi cháu Việt A, anh không nhất trí vì việc giao cháu cho chị H thì sẽ không đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cháu cũng ở cùng với tôi từ nhỏ. Anh Đ hiện đang làm nghề tự do tại địa phương, có mức thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng, anh đảm bảo việc nuôi con khi được giao. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều

273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Lê Huỳnh Đ1.

Về con chung: Giao anh Lê Huỳnh Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2024. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ1 không có yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Lê Huỳnh Đ có hộ khẩu thường trú tại TDP P, thị trấn A, huyện S (nay là thôn P, xã S, tỉnh Bắc Ninh). Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Hoàng Thị H, anh Lê Huỳnh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Lê Huỳnh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang vào ngày ngày 08/04/2024 (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Bắc Ninh). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh Đ nên có nguyện vọng được ly hôn; anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh nhất trí. Xét thấy, chị H và anh Đ đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau; mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh Đ đã được Tòa án tổ chức hoà giải nhưng không thành. Như vậy, chị H và anh Đ đã vi phạm quyền nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Lê Huỳnh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Lê Huỳnh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2024. Chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Việt A và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Cháu Việt A hiện nay đang con nhỏ dưới 7 tuổi nên Tòa án không thể tiến hành hỏi nguyện vọng đối với cháu. Hội đồng xét xử thấy Xét thấy, cả chị Hoàng Thị H và anh Lê Huỳnh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, con chung của các đương sự hiện mới chỉ hơn 02 tuổi, chưa đủ nhận thức và khả năng để Tòa án lấy lời khai, do đó việc quyết định người trực tiếp nuôi con cần căn cứ chủ yếu vào điều kiện thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và bảo đảm tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của cháu. Quá trình xác minh cho thấy, cháu Việt A đã được anh Lê Huỳnh Đ trực tiếp nuôi dưỡng từ khi mới khoảng 03 tháng tuổi cho đến nay, việc chăm sóc cháu được thực hiện liên tục, ổn định, bảo đảm cho cháu phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần. Trong thời gian này, chị Hoàng Thị H đi làm ăn xa, không cư trú tại địa phương, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, do đó không có điều kiện gắn bó thường xuyên và chăm sóc thực tế đối với con. Hiện nay, anh Lê Huỳnh Đ làm việc tại địa phương, có thu nhập và thời gian ổn định để trực tiếp nuôi con. Đồng thời, anh Đ đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ, là những người đã tham gia hỗ trợ chăm sóc cháu từ khi cháu còn nhỏ. Môi trường sống này bảo đảm cho cháu có sự chăm sóc đầy đủ, ổn định, an toàn, có người thân hỗ trợ khi anh Đ đi làm, phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ nhỏ. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng trong khi cháu còn rất nhỏ và đã quen sống ổn định với cha và gia đình bên nội có thể ảnh hưởng không tốt đến tâm lý, sinh hoạt và sự phát triển của cháu. Do đó, để bảo đảm sự ổn định trong cuộc sống và quyền lợi tốt nhất cho con chung, việc giao cháu cho anh Lê Huỳnh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với điều kiện nuôi con hiện tại và đúng với nguyên tắc bảo đảm quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ để đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho anh Lê Huỳnh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định pháp luật; chị Hoàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83, **84** Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ, phí Tòa án, xử:

[1] Cho chị Hoàng Thị H và anh Lê Huỳnh Đ được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho anh Lê Huỳnh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2024 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003870 ngày 25/11/2025, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – BN;
- VKSND tỉnh BN;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Đông;
- Phòng THA DS KV 5 – Bắc Ninh
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Toàn

